TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS **TỈNH PT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
V/v: "Xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào.
Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09/8/ 2021 về việc " Xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:18/2021/QĐSXST-HNGĐ, ngày 15/9/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị C**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm L, xã XS, huyện TS, tỉnh PT. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu S, xã Xuân Đài, huyện TS, tỉnh PT.Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Ông **Bùi Đức Dũng**- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị Chung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/3/2009, chị và anh Dương Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã XS, huyện TS, tỉnh PT. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm đến năm 2016 anh H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm S, xã Xuân Đài, huyện TS, tỉnh PT để sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H. Vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Hai bên chính thức ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, cho chị xin

ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là cháu: Dương Thị Thu Th, sinh ngày 01/3/2010 và cháu Dương Minh Q, sinh ngày 26/3/2013, hai cháu đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án xem xét việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Dương Văn H: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh H đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2021 đối với bà Hà Thị V là mẹ đẻ anh Dương Văn H, bà Vần cho biết:

Anh H; chị Ch có đăng ký kết hôn tại UBND xã XS, huyện TS, tỉnh PT. Sau khi kết hôn anh H ở rể tại gia đình chị Ch, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã ly thân từ năm 2016 anh H đem 02 (hai) đứa con chung về sinh sống cùng gia đình bà tại khu S, xã Xuân Đài, nay các cháu xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Ch; anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ch và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch.

Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao hai cháu Dương Thị Thu Th, sinh ngày 01/3/2010 và Dương Minh Q, sinh ngày 26/3/2013 cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị Ch là Nguyên đơn sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện, Tòa án đã giải thích việc chị được miễn án phí theo quy định, nhưng chị Chung không có đơn xin miễn nộp án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hôn nhân: Việc chị Ch; anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên chị Ch có đơn xin ly hôn anh H. Thấy rằng chị Ch; anh H là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Ch đối với anh H.

Về con chung: Có hai con chung Dương Thị Thu Th, sinh ngày 01/3/2010 và Dương Minh Q, sinh ngày 26/3/2013. Do nguyện vọng của hai cháu xin là được ở cùng anh H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Dương Thị Thu Th và Dương Minh Q. Chị Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H.

Về tài sản; công nợ và công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự: Chị Ch sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện, Tòa án đã giải thích việc chị Ch được miễn án phí, nhưng chị Ch không có đơn xin miễn nộp án phí nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Ch có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho chị xin ly hôn với anh Dương Văn H, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

[2]. Về việc vắng mặt Nguyên đơn; Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H. Căn cứ vào khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Nguyên đơn; Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh H trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 27/3/2009 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã XS, huyện TS, tỉnh PT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ch; anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Ch đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có 02 (hai) con chung là cháu: Dương Thị Thu Th, sinh ngày 01/3/2010 và Dương Minh Q, sinh ngày 26/3/2013. Khi ly hôn, chị Ch đề nghị xem xét việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Ch không yêu cầu nuôi con mà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với anh H cố ý vắng mặt tại Tòa án, tuy nhiên theo nguyện vọng của hai cháu xin được ở cùng với anh H. Bên cạnh đó, kể từ khi anh H; chị Ch ly thân hai cháu đều ở cùng với anh H, kể từ thời điểm vợ chồng ly thân anh H cùng với bố mẹ anh H là người thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Căn cứ vào những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị Ch có yêu cầu thay đổi người nuôi con, thì chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị Ch; anh H có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị Ch là Nguyên đơn sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện, Tòa án đã giải thích, hướng dẫn chị phải có đơn xin miễn án phí để Tòa án xem xét nhưng chị Ch không có đơn nên chị phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Ch; anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Ch được ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Giao hai cháu Dương Thị Thu Th, sinh ngày 01/3/2010 và Dương Minh Q, sinh ngày 26/3/2013 cho anh Dương Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi hai cháu thành niên. Chị Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Ch không yêu cầu và anh H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hà Thị Ch phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Ch đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0003158 ngày 06/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT.

Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Anh Dương Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- THADS huyện TS;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Văn Chí